

Ứng dụng phương pháp UBL (ubiquitous-based learning) trong đào tạo định hướng nghề nghiệp điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Hồ Thị Mỹ Yến^{1*}, Nguyễn Thị Thu Thảo¹, Phan Thanh Luân²,
Nguyễn Thị Anh Phương¹, Lê Văn An¹, Nguyễn Vũ Quốc Huy³

(1) Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
(2) Tổ công nghệ thông tin, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
(3) Bộ môn Phụ Sản, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Tóm tắt

Đặt vấn đề: “Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng” là một nội dung cần thiết trong đào tạo điều dưỡng. Trong năm 2019, khoá học này được triển khai và ứng dụng phương pháp học tập UBL (học tập mọi lúc, mọi nơi) tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. **Mục tiêu:** Khảo sát phản hồi của sinh viên đối với Khóa học định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng ứng dụng phương pháp học tập UBL. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 65 sinh viên Điều dưỡng đã tham gia khóa Định hướng nghề nghiệp. **Kết quả:** Sinh viên phản hồi về việc sắp xếp thời gian học hợp lý (92,3%); phương tiện giảng dạy phù hợp (98,5%); có 95,4% sinh viên cho rằng “Tài liệu khóa học đầy đủ”, “Nhận được thông tin và liên lạc đầy đủ từ ban tổ chức khóa học” và “Nội dung khóa học đáp ứng được nhu cầu của sinh viên”. Về phương pháp học tập UBL, 100% sinh viên có hứng thú với phương pháp học tập này; 70,8% sinh viên không gặp khó khăn khi thử nghiệm UBL và 96,9% sinh viên cho rằng UBL có thể áp dụng cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. **Kết luận:** Định hướng nghề nghiệp là một nội dung hết sức cần thiết cho đào tạo điều dưỡng. Việc kết hợp giảng dạy bằng phương pháp UBL đã làm tăng hiệu quả giảng dạy và nhận được phản hồi tốt từ phía người học.

Từ khóa: học tập mọi lúc, mọi nơi (UBL, U-learning); Định hướng nghề nghiệp, Điều dưỡng.

Abstract

Application of ubiquitous-based learning in nursing professionalism training at University of Medicine and Pharmacy, Hue University

Ho Thi My Yen^{1*}, Nguyen Thi Thu Thao¹, Phan Thanh Luan²,
Nguyen Thi Anh Phuong¹, Le Van An¹, Nguyen Vu Quoc Huy³

(1) Nursing Faculty, University of Medicine and Pharmacy, Hue University
(2) IT team, University of Medicine and Pharmacy, Hue University
(3) Department of Obstetrics and Gynecology, University of Medicine and Pharmacy, Hue University

Introduction: Nursing professionalism is essential content in nursing training. In 2019, this course was implemented by the application of the UBL method at University of Medicine and Pharmacy, Hue University. **Objectives:** Survey students' feedback on nursing professionalism courses applied by UBL. **Methodology:** A descriptive cross-sectional design was conducted with 65 nursing students, who participated in a nursing professionalism course. **Results:** Study time was reasonably arranged (92.3%); teaching facility was suitable (98.5%); 95.4% of students said that “Course materials are adequate”, “information and communication are sufficient” and “Course content is suitable for students”. Regarding the UBL learning method, 100% of students were interested in this learning method; 70.8% of students didn't have difficulty in testing UBL and 96.9% of students think that UBL can be applied to university training at University of Medicine and Pharmacy, Hue University. **Conclusion:** Nursing professionalism is an essential content of nursing education. UBL application for this course has increased teaching efficiency and got positive feedback from students.

Keywords: Ubiquitous-based learning (UBL, U-learning), professionalism course, nursing.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học tập mọi lúc, mọi nơi (UBL, Ubiquitous based learning hay U-learning) là một mô hình học tập mới. Đây là sự mở rộng trên nền tảng của các mô hình học tập trực tuyến và học di động. UBL là một mô hình học tập trong môi trường các thiết bị công

nghệ thông minh cho phép người học có thể học bất cứ khi nào và bất cứ nơi đâu [1,2,3]. Vào đầu năm 2015, thông qua dự án “Xây dựng năng lực cho Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế và thành lập hệ thống đào tạo cấp cứu Y khoa” do Bộ Giáo dục và Quỹ Nghiên cứu quốc gia Hàn Quốc

tài trợ thực hiện tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, khái niệm UBL được giới thiệu tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Trong giai đoạn 2015-2018, UBL được phát triển trong lĩnh vực đào tạo Điều dưỡng và mở rộng sang Y khoa thông qua các khoá tập huấn, huấn luyện giảng viên và thí điểm giảng dạy tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Các phản hồi bước đầu cho thấy trên 96,4% sinh viên thích thú với phương pháp học này và trên 95% sinh viên cho rằng đây là một phương pháp học tập phù hợp với giáo dục Y khoa [4,5,6,7].

Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng là một nội dung cần thiết trong đào tạo điều dưỡng nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức hành nghề, kỹ năng mềm và thái độ phù hợp cho công tác thực hành nghề sau khi tốt nghiệp. Trên thế giới, đây là một nội dung quan trọng được nhiều nước quan tâm thực hiện [8]. Ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, từ năm học 2018 đã thí điểm đưa nội dung này vào giảng dạy ngoại khoá. Trong năm 2019, khoá học này được triển khai và ứng dụng phương pháp học tập UBL.

Để có cơ sở hiểu rõ hơn về nhận định của sinh viên đối với khóa học định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng và phương pháp học tập UBL, nhằm phát triển thêm những khóa học trong tương lai, chúng tôi thực hiện đề tài: **“Ứng dụng phương pháp UBL (Ubiquitous based learning) trong đào tạo định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế”** với các mục tiêu:

- 1) Khảo sát phản hồi của sinh viên đối với khóa học định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng.
- 2) Khảo sát phản hồi của sinh viên đối với phương pháp học tập UBL được ứng dụng trong khóa học.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 65 sinh viên Điều dưỡng chính quy, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2.1.1. Tiêu chuẩn chọn đối tượng nghiên cứu

- Là sinh viên Điều dưỡng chính quy, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

- Đã tham gia khóa Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng, được tổ chức từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2019. Sinh viên các lớp được thông báo về chương trình, nội dung khoá học ngoại khoá và đăng ký tham gia một cách tự nguyện.

- Đồng ý tham gia trả lời nghiên cứu.

2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ

- Chưa tham gia khóa Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng.

- Không đồng ý tham gia trả lời nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng.

- Nghiên cứu định lượng: Sử dụng bộ câu hỏi có sẵn để khảo sát phản hồi của sinh viên về tổ chức, nội dung khóa học định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng và phương pháp học tập UBL.

- Nghiên cứu định tính: Sử dụng câu hỏi mở để tìm hiểu về các nội dung mà sinh viên muốn được học thêm, đề nghị với ban tổ chức khóa học và tìm hiểu cảm nhận của sinh viên về các tính năng ấn tượng của U-learning cũng như các khó khăn khi sử dụng U-learning.

2.2.2. Công cụ nghiên cứu: Khảo sát phản hồi của sinh viên đối với khóa học định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng và phương pháp học tập UBL bằng sử dụng bộ câu hỏi thiết kế sẵn. Bộ công cụ bao gồm 3 khía cạnh:

- 1) Tổ chức khóa học định hướng nghề nghiệp, gồm có 4 câu hỏi;
- 2) Nội dung khóa học định hướng nghề nghiệp, gồm có 3 câu hỏi;
- 3) Phương pháp học tập UBL (Ubiquitous based learning), gồm có 6 câu hỏi.

2.3. Xử lý số liệu: Phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0.

3. KẾT QUẢ

3.1. Phản hồi của sinh viên đối với khóa học định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng

Bảng 1. Phản hồi của sinh viên về tổ chức và nội dung khóa học

NỘI DUNG	“Có” (%)	“Không” (%)	“Không có ý kiến” (%)
Việc sắp xếp thời gian học có hợp lý không	92,3	0	7,7
Phương tiện giảng dạy phù hợp không	98,5	0	1,5
Tài liệu khóa học có đầy đủ không	95,4	3,1	1,5
Các bạn có nhận được thông tin và liên lạc đầy đủ từ ban tổ chức khóa học không	95,4	0	4,6
Nội dung khóa học có đáp ứng được nhu cầu các bạn không	95,4	1,5	3,1

Nhận xét: Kết quả từ bảng 1 cho thấy, sinh viên phản hồi về việc sắp xếp thời gian học hợp lý (92,3%); phương tiện giảng dạy phù hợp (98,5%); có 95,4% sinh viên cho rằng “Tài liệu khóa học đầy đủ”, “Nhận được thông tin và liên lạc đầy đủ từ ban tổ chức khóa học” và “Nội dung khóa học đáp ứng được nhu cầu của sinh viên”.

Bảng 2. Nội dung sinh viên muốn bổ sung/học thêm và đề nghị với ban tổ chức khóa học

NỘI DUNG		
Sinh viên muốn bổ sung/học thêm	Các kỹ năng mềm	<ul style="list-style-type: none"> - “Cách làm việc nhóm có hiệu quả”. - “Kỹ năng xử lý tình huống”, “Kỹ năng thuyết trình”. - “Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân”. - “Kỹ năng xử lý các trường hợp cấp cứu tại Bệnh viện”.
	Kiến thức chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> - “Bổ sung thêm tài liệu về luật khám chữa bệnh, BHYT”. - “Học những nội dung thực tế, cần thiết cho hành nghề sau khi ra trường”. - “Chăm sóc người bệnh hậu phẫu”. - “Các phương pháp điều trị, chăm sóc người bệnh”. - “Cách chăm sóc trẻ em, người cao tuổi”. - “Khóa học thực hành kết hợp với lý thuyết”. - “Các khóa học lâm sàng”.
	Cơ hội nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - “Cơ hội việc làm của ngành Điều dưỡng hiện nay”. - “Khó khăn và thách thức của ngành Điều dưỡng khi ra trường”. - “Định hướng cho sinh viên học và làm việc ở nước ngoài”.
	Phương tiện giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - “Cải thiện việc đăng nhập máy”. - “Nâng cấp máy, có thể đáp ứng tốt hơn trong khóa học”. - “Sinh viên có thể mượn máy tính bảng về nhà”.
Đề nghị với ban tổ chức khóa học	Nội dung khóa học	<ul style="list-style-type: none"> - “Tổ chức thêm nhiều khóa hơn nữa”. - “Mỗi buổi nên tổ chức học khoảng 2 bài, học nhiều bài/buổi không đủ thời gian đọc và hiểu bài”. - “Kết hợp thực hành với lý thuyết”.
	Các đề nghị khác	<ul style="list-style-type: none"> - “Có thể chia sẻ tài liệu cho nhóm khác”. - “Kiểm soát sự yên tĩnh trong phòng học, mất tập trung trong đọc tài liệu vì một số bạn gây ồn ào”. - “Thời gian cụ thể hơn để sinh viên có thể tham gia đầy đủ các buổi học”.

Nhận xét: Kết quả bảng 2 cho thấy, Nội dung sinh viên muốn bổ sung/học thêm bao gồm các kỹ năng mềm, các kiến thức chuyên ngành liên quan đến Điều dưỡng và cơ hội nghề nghiệp sau khi ra trường bao gồm cả trong nước và ở nước ngoài. Các đề nghị của sinh viên bao gồm các nội dung liên quan đến phương tiện giảng dạy (3), nội dung khóa học (3) và 3 đề nghị khác.

3.2. Phản hồi của sinh viên đối với phương pháp học tập UBL

Bảng 3. Phản hồi của sinh viên về phương pháp học tập UBL

NỘI DUNG	“Có” (%)	“Không” (%)
Bạn có hứng thú với phương pháp học tập UBL không	100	0
Bạn có gặp khó khăn gì khi thử nghiệm học UBL không	29,2	70,8
UBL có thể áp dụng cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế được không	96,9	3,1

Nhận xét: 100% sinh viên có hứng thú với phương pháp học tập UBL; 70,8% sinh viên không gặp khó khăn khi thử nghiệm UBL và 96,9% sinh viên cho rằng UBL có thể áp dụng cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

3.2.1. Các tính năng sinh viên ấn tượng khi học bằng phương pháp UBL

Bảng 4. Các tính năng sinh viên ấn tượng khi học bằng phương pháp UBL

NỘI DUNG	
Phương tiện giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - “Hiển thị % số bài học mình đã học”. - “Test nhanh, dễ sử dụng”. - “Phương tiện học tập hiện đại”. - “Thông minh, tiện lợi, nhỏ gọn”. - “Dễ theo dõi bài học”.
Nội dung khóa học	<ul style="list-style-type: none"> - “Biết được tất cả nội dung bài cần học”. - “Nhiều kiến thức trong U - learning”. - “Tài liệu học tập đầy đủ”.
Các tính năng sinh viên ấn tượng khi học bằng phương pháp UBL	<ul style="list-style-type: none"> - “Làm bài test trên máy tính, chọn và học các bài một cách chủ động”. - “Phương pháp học đơn giản (chỉ cần đăng nhập sẽ học được)”. - “Tính năng tự học, tự tìm hiểu thông tin”. - “Không giới hạn thời gian và địa điểm học”. - “Có thể tự học các bài giảng có sẵn trên phần mềm”. - “Học trên máy tính bảng, không hạn chế thời gian trình chiếu”. - “Không gian học tập thoải mái”. - “Tự học có hướng dẫn”. - “Ứng dụng công nghệ vào việc dạy và học”. - “Không áp lực, dễ tiếp thu, vui vẻ, thoải mái”. - “Tự học và có bài tập từng buổi”.

Nhận xét: Từ kết quả bảng 4, cho thấy công nghệ UBL có nhiều tính năng mới so với các phương pháp học tập truyền thống trước đây. Các tính năng này gây ấn tượng cho sinh viên khi sử dụng, bao gồm các ấn tượng về phương tiện giảng dạy, nội dung khóa học và phương pháp học tập.

3.2.2. Các khó khăn sinh viên gặp phải khi học theo phương pháp UBL

Bảng 5. Các khó khăn sinh viên gặp phải khi học theo phương pháp UBL

NỘI DUNG	
Phương pháp học tập mới	<ul style="list-style-type: none"> - “Tự học có hướng dẫn”. - “Tự cập nhật kiến thức”.
Các khó khăn sinh viên gặp phải khi học theo phương pháp UBL	<ul style="list-style-type: none"> - “Kết nối chậm đôi khi kết nối thất bại”. - “Khó khăn khi đăng nhập”. - “Khó khăn khi tải bài để đọc và chia sẻ”. - “Cách sử dụng máy tính bảng và ứng dụng trên máy tính bảng còn hạn chế”. - “Chỉ dùng trên lớp, không sử dụng thay thế bằng điện thoại được”.
Nội dung bài giảng	<ul style="list-style-type: none"> - “Bài giảng chỉ tóm tắt, chưa cụ thể”. - “Một số từ không hiểu chưa được giải thích rõ ràng, kịp thời”.

Nhận xét: Kết quả từ bảng 5 cho thấy, bên cạnh những lợi ích mà công nghệ UBL mang lại, thì sinh viên cũng gặp phải nhiều khó khăn khi sử dụng, bao gồm các khó khăn về phương pháp học tập mới, sự cố máy tính bảng và mạng, nội dung bài giảng.

3.2.3. Lý do UBL có thể áp dụng cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Bảng 6. Lý do UBL có thể áp dụng ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

NỘI DUNG	
Phương tiện giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - “Thuận tiện, có thể tự học tại nhà”. - “Trang thiết bị hiện đại, chuẩn bị chu đáo, học dễ dàng”. - “Tiện dụng cho việc theo dõi bài học”. - “Tìm kiếm tài liệu dễ dàng”. - “Tiện ích trong việc tìm kiếm tài liệu học tập, không mất quá nhiều thời gian”.
Lý do UBL có thể áp dụng ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế	<ul style="list-style-type: none"> - “Nội dung bài học đầy đủ, đa dạng, rõ ràng, chi tiết”. - “Đưa ra ý chính để sinh viên dễ ghi nhớ hơn”. - “Kiến thức bổ ích, không chỉ trong sách vở”. - “Nội dung cần thiết, sát với ngành nghề đào tạo”. - “Hình ảnh sinh động, hấp dẫn, dễ tiếp thu”. - “Dễ học, dễ ghi nhớ, dễ áp dụng, dễ tiếp thu”. - “Định hướng tốt cho sinh viên về nghề nghiệp”. - “Nội dung đầy đủ, súc tích, các slide sinh động”. - “Tích hợp nhiều kiến thức bổ ích”.
Phương pháp học tập	<ul style="list-style-type: none"> - “Thời gian học tập tự do, hợp lý”. - “Sinh viên tự học có hướng dẫn”. - “Sinh viên có thể chủ động trong học tập, giảm thời gian lên lớp”. - “Tiết kiệm chi phí, giấy in, bảo vệ môi trường”. - “Nâng cao khả năng tìm kiếm tài liệu, biết tự tra cứu thông tin”. - “Phương pháp học tập mới, tăng tính chủ động”. - “Không gian học tập thoải mái, không gò bó, học mọi lúc mọi nơi”. - “Cách học mới tạo sự hứng thú trong quá trình học”. - “Làm báo cáo cuối buổi, giúp sinh viên ghi nhớ kiến thức”. - “Kiểm tra, đánh giá khách quan”. - “Sử dụng phần mềm tự học sẽ nhẹ nhàng hơn, ít áp lực”. - “Dễ truyền đạt, ứng dụng công nghệ cao”.

Nhận xét: Kết quả từ bảng 6 cho thấy rằng sinh viên rất hứng thú với phương pháp học tập này. Sinh viên đưa ra các lý do bao gồm các lý do liên quan đến phương tiện giảng dạy, nội dung khóa học và phương pháp học tập để có thể áp dụng công nghệ UBL trong đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

3.2.4. Các khó khăn có thể gặp phải khi ứng dụng UBL cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Ngoài ra, sinh viên còn nêu ra một số khó khăn có thể gặp khi áp dụng UBL cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế: “Nhiều sinh viên không có máy tính, khó để phổ biến rộng rãi cho tất cả sinh viên”; “Sử dụng thiết bị điện tử trong thời gian dài có hại, việc bảo quản thiết bị khó khăn”; “Trang thiết bị không đủ đáp ứng, một số kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm cần giáo viên giảng dạy, sinh viên còn thụ động trong học tập”.

3.2.5. Các ngành đào tạo có thể áp dụng UBL ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

Qua kết quả nghiên cứu của chúng tôi, sinh viên cho rằng UBL có thể áp dụng đào tạo ở tất cả các ngành học của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng độ tuổi trung bình của sinh viên Điều dưỡng tham gia nghiên cứu là 19,43; trong đó, nữ chiếm đa số 95,4%, nam chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ 4,6%.

4.1. Phản hồi của sinh viên đối với khóa học định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng, hầu hết sinh viên phản hồi việc sắp xếp thời gian học hợp lý (92,3%), phương tiện giảng dạy phù hợp (98,5%), tài liệu khóa học đầy đủ (95,4%) và sinh viên nhận được thông tin liên lạc đầy đủ từ ban tổ chức khóa học (95,4%). Khóa học đã được chúng tôi thiết kế mở vào thời điểm cuối tuần, sinh viên đăng ký học theo thời gian phù hợp với kế hoạch cá nhân của từng em. Khi học, các em tự đăng nhập vào khóa học theo tài khoản được cung cấp trên máy tính

bảng và có hướng dẫn học cụ thể và có giảng viên hướng dẫn, giải đáp thắc mắc. Mỗi buổi học, sinh viên được yêu cầu làm một bài báo cáo theo chủ đề. Đây chính là lợi thế của phương pháp học tập này khi giúp sinh viên chủ động quản lý chương trình học của mình. Với phản hồi tích cực của sinh viên, là cơ sở thuận lợi cho việc phát triển các khóa học trong tương lai. Một số đề nghị của sinh viên về mặt kỹ thuật và tổ chức như cải thiện việc đăng nhập máy, nâng cấp máy để có thể đáp ứng tốt hơn trong khóa học, sinh viên có thể mượn máy tính bảng về nhà, có thể chia sẻ tài liệu cho bạn bè, kiểm soát sự yên tĩnh trong phòng học, ... đã được chúng tôi ghi nhận và đang có hướng xử lý, khắc phục nhằm tăng hiệu quả đào tạo của khoá học.

Cũng theo kết quả nghiên cứu này, có đến 95,4% sinh viên cho rằng nội dung khóa học đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, chỉ có 1,5% sinh viên phản hồi ngược lại và 3,5 % sinh viên không có ý kiến. Nội dung khoá học đã được chúng tôi thiết kế và biên soạn dựa trên tài liệu đào tạo điều dưỡng viên mới của Hội Điều dưỡng Việt Nam và tham khảo một số chương trình tiên tiến ở Hàn Quốc, Thái Lan cũng như trên cơ sở phản hồi của khoá học thí điểm năm 2018 nên có tính ứng dụng và phù hợp khá cao với thực hành nghề nghiệp điều dưỡng hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới. Tuy nhiên, trong xu hướng của toàn cầu hoá và thời đại công nghệ 4.0, việc cập nhật và bổ sung các tài liệu kiến thức là một việc cần làm thường xuyên để có thể trang bị được cho các em sinh viên những kiến thức bổ ích, cần thiết cho chọn lĩnh vực thực hành sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, phản hồi của sinh viên còn nêu nhu cầu muốn học thêm các kỹ năng mềm (cách làm việc nhóm có hiệu quả, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân,...), một số kiến thức chuyên ngành sâu (chăm sóc người bệnh hậu phẫu, cách chăm sóc người cao tuổi, ...) và thông tin về cơ hội nghề nghiệp cả trong nước và nước ngoài. Đây là các nhu cầu hết sức chính đáng và cần được quan tâm của sinh viên nói chung và đặc thù ngành điều dưỡng nói riêng mà chúng tôi sẽ xem xét và đưa vào thiết kế trong các khoá học tới.

4.2. Phản hồi của sinh viên đối với phương pháp học tập UBL

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng, 100% sinh viên cảm thấy hứng thú với phương pháp học tập UBL và có tới 96,9% sinh viên cho rằng có thể áp dụng phương pháp này cho đào tạo đại học tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Kết quả cũng ghi nhận 29,2% sinh viên gặp khó khăn khi học thử

nghiệm bằng phương pháp UBL do chưa quen sử dụng máy tính bảng. Tuy nhiên, điều này có thể khắc phục được khi sinh viên sử dụng thường xuyên. Kết quả chúng tôi là tương đương và có phần cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Vũ Quốc Huy và cộng sự (2018) khi có 96,4% sinh viên có hứng thú với phương pháp UBL, 97,9% sinh viên cho rằng có thể áp dụng phương pháp UBL cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế [4].

Phương pháp học tập UBL là phương pháp học tập mới, cải tiến hơn các phương pháp học tập truyền thống, phù hợp với thời đại công nghệ 4.0. Vì vậy, phương pháp học tập này tạo nhiều ấn tượng với sinh viên bởi phương tiện giảng dạy (phương tiện học tập hiện đại; thông minh, tiện lợi, nhỏ gọn; dễ theo dõi bài học;...), nội dung bài học (tài liệu học tập đầy đủ, nhiều kiến thức, biết được tất cả nội dung bài cần học), phương pháp học tập (làm test trên máy tính, chọn và học các bài một cách chủ động; phương pháp học đơn giản, chỉ cần đăng nhập sẽ học được; tính năng tự học, tự tìm hiểu thông tin; không giới hạn thời gian và địa điểm học; linh động các bài học trong mỗi buổi học; ...). Các tính năng này sẽ giúp sinh viên hứng thú hơn trong quá trình học, dễ dàng tiếp thu bài học một cách nhanh chóng, đồng thời có thể tiết kiệm thời gian đến trường và tăng cường việc tự học ở nhà. Bên cạnh những ưu điểm nổi trội của phương pháp học tập UBL, thì phương pháp này vẫn còn tồn tại một số nhược điểm nhất định và được sinh viên đánh giá như khó khăn vì đây là phương pháp học tập hoàn toàn mới, sinh viên lần đầu được tiếp xúc với phương pháp này; các khó khăn liên quan đến sự cố máy tính bảng và kết nối mạng. Các khó khăn này có thể do đây là lần đầu sinh viên tiếp xúc với phương pháp học tập này, nếu sinh viên được tiếp xúc thường xuyên thì sẽ quen dần.

Sau khi được thử nghiệm phương pháp học tập UBL, đa số sinh viên cho rằng UBL có thể áp dụng cho đào tạo đại học ở Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế (96,9%). Sinh viên đưa ra các lý do UBL bao gồm: phương tiện giảng dạy (thuận tiện, có thể tự học tại nhà; trang thiết bị hiện đại, chuẩn bị chu đáo, học dễ dàng; tìm kiếm tài liệu dễ dàng; ...), nội dung (nội dung bài học đầy đủ, đa dạng, rõ ràng, chi tiết; đưa ra ý chính để sinh viên dễ ghi nhớ hơn; kiến thức bổ ích, không chỉ trong sách vở; hình ảnh sinh động, hấp dẫn, dễ tiếp thu; ...), phương pháp học tập (thời gian học tập tự do, hợp lý; sinh viên tự học có hướng dẫn; sinh viên chủ động trong học tập, giảm thời gian lên lớp; không gian học tập thoải mái, không gò bó, học mọi lúc mọi nơi; cách học mới tạo sự hứng thú trong quá trình học; ...). Đồng thời,

sinh viên cũng nhận xét một số khó khăn mà ứng dụng UBL đang gặp phải là: nhiều sinh viên không có máy tính, khó để phổ biến rộng rãi cho tất cả sinh viên; sử dụng thiết bị điện tử trong thời gian dài có hại, việc bảo quản thiết bị khó khăn; trang thiết bị không đủ đáp ứng, một số kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm cần giáo viên giảng dạy, sinh viên còn thụ động trong học tập.

Những phản hồi của sinh viên phù hợp với những ưu điểm và nhược điểm của phương pháp UBL đã được ghi nhận đồng thời cũng có những đặc thù riêng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Với những phản hồi này, chúng tôi có thêm cơ sở để hoàn thiện khoá học và ứng dụng phương pháp giảng dạy một cách tốt hơn trong tương lai.

5. KẾT LUẬN

Định hướng nghề nghiệp là một nội dung hết sức cần thiết cho đào tạo điều dưỡng. Việc kết hợp

giảng dạy bằng phương pháp UBL đã làm tăng hiệu quả giảng dạy và nhận được phản hồi tốt từ phía người học.

6. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những phản hồi của sinh viên, cần tổ chức và điều chỉnh khoá học để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, tiến đến việc đưa môn học này thành môn học chính khoá trong chương trình đào tạo Điều dưỡng.

Đồng thời, cần mở rộng ứng dụng UBL vào các môn học, khoá học để đánh giá một cách toàn diện khả năng áp dụng, ưu nhược điểm và tìm ra mô hình giảng dạy UBL phù hợp với thực tế đào tạo của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Chia sẻ và mở rộng hướng áp dụng và nghiên cứu với các đơn vị đào tạo điều dưỡng trong khu vực và cả nước, quốc tế để nâng cao hiệu quả đào tạo của khoá học định hướng nghề nghiệp điều dưỡng và phương pháp giảng dạy UBL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jone, V., Jo, J.H., (2004). Ubiquitous learning environment: An adaptive teaching system using Ubiquitous technology. In beyond the comfort zone. *In proceedings of the 21 st ASCILITE conference*, 468-474.
2. Saadiah Y., Erny A., & Kamarularifin A.j. (2010). The definition and characteristics of ubiquitous learning: A discussion Universiti Teknologi MARA, Malaysia. *International Journal of Education and Development using Information and Communication Technology* 6 (1), pp. 117-127.
3. Yahya. et al (2010), "The Definition and Characteristics of Ubiquitous Learning: A Discussion", *International Journal of Education and Development using Information and Communication Technology*, 6 (1).
4. Nguyễn Vũ Quốc Huy, Nguyễn Thị Anh Phương, Lê Văn An (2019), Ứng dụng bước đầu công nghệ giáo dục Ubiquitous Learning/ Ubiquitous-Based Test trong đào tạo và đánh giá năng lực nghề nghiệp y khoa tại Trường Đại học Y Dược Huế.
5. Nguyễn Vũ Quốc Huy, Nguyễn Thị Anh Phương, và CS. (2018). Áp dụng công nghệ UBL trong đào tạo y khoa tại Trường Đại học Y Dược Huế. Kỷ yếu hội nghị đổi mới giáo dục y khoa lần thứ 2. TP Huế, tháng 12/2018.
6. Nguyen, V.Q.H., Shin, Cavin, Nguyen, T.A.P (2016). Apply Ubiquitous learning at Hue University of Medicine and Pharmacy. Presentation at ADB conference on ICT application in medical education. Hanoi, Feb, 2016.
7. Nguyen Thi Anh Phuong, et al (2016). Apply PBL and U-learning in nursing education: a pilot approach in Hue University of Medicine and Pharmacy, Vietnam. 10th International PBL conference's manual of Cheju Halla University, Korea.
8. Seren, A. K. H., Bacaksiz, F. E., & Baykal, U. (2017). Career orientations of nursing students: A comparison of State and Private Universities. *International Journal of Caring Sciences*, 10(1), 273-284.